

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06
năm 2013**

Hà Nội, tháng 07/2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lai	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Văn Lớ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á (AEA)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Lữ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

Số: 028/2013/BCSX-AEA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 5 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin tài chính; Công tác này cung cấp mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Hữu Đông
Tổng Giám đốc

GCN ĐK hành nghề Kiểm toán số: 0140-2013-43-1
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013



Nguyễn Văn Vụ
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán
số: 0638-2013-43-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		257.687.673.962	245.721.759.618
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.087.770.755	21.164.898.808
1. Tiền	111		33.087.770.755	21.164.898.808
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.879.070.790	90.075.460.407
1. Phải thu khách hàng	131		66.917.076.472	69.956.178.126
2. Trả trước cho người bán	132		7.995.888.965	4.659.674.352
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	3.179.850.116	15.708.612.750
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(213.744.763)	(249.004.821)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	142.506.953.795	130.211.034.535
1. Hàng tồn kho	141		142.506.953.795	130.211.034.535
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.213.878.622	4.270.365.868
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.174.054.422	1.440.233.150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	30.953.518
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	3.039.824.200	2.799.179.200
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.821.005.897	47.309.533.513
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.756.883.517	45.204.166.239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	41.756.883.517	37.987.467.426
- Nguyên giá	222		167.135.224.969	157.941.549.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.378.341.452)	(119.954.081.678)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	-	7.216.698.813
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.743.525.000	2.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	11.743.525.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		320.597.380	105.367.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	320.597.380	105.367.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		311.508.679.859	293.031.293.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		184.065.314.187	160.514.478.105
I. Nợ ngắn hạn	310		183.145.414.187	159.453.978.105
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	104.033.652.059	112.924.958.109
2. Phải trả người bán	312		48.914.831.394	28.714.539.447
3. Người mua trả tiền trước	313		12.746.629.664	10.889.293.251
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.251.038.694	2.281.854.910
5. Phải trả người lao động	315		6.981.779.293	1.025.752.861
6. Chi phí phải trả	316	V.11	182.981.248	484.932.675
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	7.427.347.358	2.935.904.783
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		607.154.477	196.742.069
II. Nợ dài hạn	330		919.900.000	1.060.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	919.900.000	1.060.500.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.443.365.672	132.516.815.026
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	127.443.365.672	132.516.815.026
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		62.826.020.000	62.826.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.335.312.000	29.335.312.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		21.004.838.183	20.603.424.946
4. Cổ phiếu quỹ	414		(15.130.000)	(15.130.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		89.249.865	89.249.865
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.697.425.970	4.961.609.536
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.505.649.654	14.716.328.679
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		311.508.679.859	293.031.293.131



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	346.184.233.498	355.725.227.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	589.616.184	51.790.896
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	345.594.617.314	355.673.436.458
4. Giá vốn hàng bán	11		296.178.643.169	307.414.055.866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.415.974.145	48.259.380.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	2.092.249.221	6.267.742.224
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	5.084.173.710	12.868.186.236
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.084.173.710	12.032.501.333
8. Chi phí bán hàng	24		20.366.720.936	19.155.309.625
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.781.917.061	13.732.238.587
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.275.411.659	8.771.388.368
11. Thu nhập khác	31		65.454.546	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		65.454.546	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.340.866.205	8.771.388.368
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	2.835.216.551	2.192.847.091
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.505.649.654	6.578.541.277
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	1.354	1.048



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	247.501.109.434	276.950.394.406
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(241.594.170.054)	(239.393.778.018)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.306.423.075)	(19.047.801.943)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.386.125.137)	(12.375.581.963)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.021.961.528)	(2.583.915.646)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	83.960.987.666	22.697.857.399
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.603.188.824)	(20.712.801.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.550.228.482	5.534.372.755
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.214.717.278)	(3.557.393.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	72.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.743.525.000)	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.290.791.793	3.496.139.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.595.450.485)	(61.253.185)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	133.416.230.900	193.580.701.515
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(142.448.136.950)	(203.956.660.057)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.031.906.050)	(10.375.958.542)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.922.871.947	(4.902.838.972)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.164.898.808	22.973.454.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.087.770.755	18.070.615.790



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃUB 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 ngày 27/12/2011 với Vốn điều lệ là: 62.826.020.000 đồng (Sáu mươi hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Trụ sở: Số 10A, phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: DHT

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc);
- Dạy nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh siêu thị, dịch vụ nhà ở, văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (Trừ loại hóa chất nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý bán thuốc của doanh nghiệp.

Các chi nhánh và cửa hàng của Công ty

TT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Số 17, lô 5, tổ 41, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 18 Trần Nhật Duật, Đội Cung, TP Vinh, Nghệ An
3	Chi nhánh Dược phẩm Hà Đông	Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
4	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Thị trấn Tây Tăng, Ba Vì, Hà Nội
5	Chi nhánh Dược phẩm Phúc Thọ	Xã Vọng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội
6	Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức	Thị trấn Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
7	Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
8	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 Phố Ga, Thường Tín, Hà Nội
9	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, Phú Xuyên, Hà Nội
10	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hoà	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hoà, Hà Nội
11	Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 03 Nguyễn Thái Học, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội
12	Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
13	Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội
14	Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15	Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội
16	Chi nhánh Dược phẩm Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội
17	Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	78 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
18	Các phân xưởng sản xuất	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
19	Kho thuốc Xuất nhập khẩu	101 phố Nguyễn Viết Xuân, Hà Đông, Hà Nội

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên phần mềm kế toán VIETSUN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6

Các khoản đầu tư tài chính

Là khoản đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 212/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2013 về việc mua cổ phần chi phối tại Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây. Đến hết ngày 30/06/2013 giá trị khoản đầu tư đã thực hiện được chiếm 34,80% Vốn điều lệ của Công ty này. Giá trị của khoản đầu tư đang được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí đi vay

Lãi suất đi vay là 0,8 % - 1,0%/tháng với các khoản vay cá nhân, có thể biến động theo lãi suất ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là các công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm và các chi phí liên quan sửa chữa nhà.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

Các khoản vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Riêng các khoản vay huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong Công ty được ghi nhận theo phiếu thu, hợp đồng vay.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	7.890.932.258	4.230.216.512
Tiền gửi ngân hàng	25.196.838.497	16.934.682.296
Cộng	33.087.770.755	21.164.898.808

2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cửa hàng Nam Bắc	200.000.000	200.000.000
Quầy trung tâm Quang Trung	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty CP Bao bì và In Nông nghiệp	2.270.276	2.270.276
Công ty TNHH TM & Sản xuất Đông Âu	1.176.762.736	1.227.386.474
Chi nhánh Dược phẩm Hà Đông	300.000.000	300.000.000
Dương Thị Hằng	25.000.000	30.000.000
Tạm ứng cổ tức	-	12.548.956.000
Thạc Thị Kim Tuyền	38.108.552	-
Phan Thị Bích Hà	37.708.552	-
Cộng	3.179.850.116	15.708.612.750

3. Hàng tồn kho

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.265.320.002	60.227.717.465
Công cụ, dụng cụ	302.115.720	348.269.541
Hàng hoá	81.939.518.073	69.635.047.529
Cộng	142.506.953.795	130.211.034.535

4. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.039.824.200	2.799.179.200
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	3.039.824.200	2.799.179.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	63.331.260.747	80.490.494.427	7.498.852.383	6.620.941.547	157.941.549.104
Mua trong kỳ	2.047.782.546	1.222.478.484	-	782.456.248	4.052.717.278
Đầu tư XD CB hoàn thành	7.216.698.813	-	-	-	7.216.698.813
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.764.979.807)	(310.760.419)	-	(2.075.740.226)
Tại ngày 30/06/2013	72.595.742.106	79.947.993.104	7.188.091.964	7.403.397.795	167.135.224.969

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	40.457.308.851	70.428.754.081	4.112.441.440	4.955.577.306	119.954.081.678
Khấu hao trong kỳ	4.105.000.000	2.240.000.000	500.000.000	655.000.000	7.500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.764.979.807)	(310.760.419)	-	(2.075.740.226)
Tại ngày 30/06/2013	44.562.308.851	70.903.774.274	4.301.681.021	5.610.577.306	125.378.341.452

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2013	22.873.951.896	10.061.740.346	3.386.410.943	1.665.364.241	37.987.467.426
Tại ngày 30/06/2013	28.033.433.255	9.044.218.830	2.886.410.943	1.792.820.489	41.756.883.517

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 89.036.355.690 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí xây dựng xưởng Đông Dược	-	6.000.000.000
Chi phí thiết kế xưởng Đông Dược	-	249.337.273
Chi phí thẩm tra thiết kế xưởng Đông Dược	-	28.744.545
Chi phí điện lạnh cho xưởng Đông Dược	-	938.616.995
Cộng	-	7.216.698.813

7. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	11.743.525.000	2.000.000.000
Cộng	11.743.525.000	2.000.000.000

8. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ đang phân bổ	320.597.380	105.367.274
Cộng	320.597.380	105.367.274

9. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	104.033.652.059	112.924.958.109
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (1)	5.147.096.998	7.692.483.933
Ngân hàng Ngoại thương - CN Hà Tây (2)	34.331.625.980	39.847.819.391
Ngân hàng Công thương - CN Hà Tây (3)	21.466.012.176	39.171.426.595
Ngân hàng HSBC (4)	6.720.333.200	4.039.254.125
Vay cá nhân khác	36.368.583.705	22.173.974.065
Cộng	104.033.652.059	112.924.958.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 29/06/2013 giá trị 30.000.000 VND, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 67/13/HM- DHT/VCBHT ngày 28/06/2013 giá trị 75.000.000.000 VND, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, tài sản thế chấp 65.433.875.954 VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 28/11/NVL/VCBHT ngày 23/03/2011.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2013/HĐTD/Viettinbank-Hataphar ngày 03/05/2013 với giá trị 65.000.000.000 VND, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 5 tháng.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Hồng Kông Thương Hải theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số 002-102465 ngày 12/06/2013 với giá trị 1.000.000 USD, lãi suất cho vay là lãi suất cho vay cơ bản cộng 2%/năm và thời hạn tùy theo quy định ngân hàng.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế xuất, nhập khẩu	133.461.381	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.085.216.551	2.271.961.528
Các loại thuế khác	32.360.762	9.893.382
Cộng	2.251.038.694	2.281.854.910

11. Chi phí phải trả

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả BIDV	6.433.871	11.219.206
Lãi vay phải trả Vietinbank	116.360.318	325.639.377
Lãi vay phải trả Vietcombank	42.914.532	5.890.579
Lãi vay phải trả ngân hàng HSBC	8.400.417	58.111.403
Lãi vay phải trả trái phiếu, cá nhân	8.872.110	84.072.110
Cộng	182.981.248	484.932.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	4.064.894.980	33.384.630
Chi nhánh Thái Bình	383.136.289	595.622.689
Chi nhánh Nghệ An	665.817.897	109.161.335
Đền bù giải phóng mặt bằng	325.792.000	325.792.000
Phí chuyển nhượng	156.161.700	338.615.100
Tiền nhà CBCNV	1.596.771.963	1.304.246.963
Các khoản phải trả, phải nộp khác	234.772.529	229.082.066
Cộng	7.427.347.358	2.935.904.783

13. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	919.900.000	1.060.500.000
Ngân hàng Ngoại thương - CN Hà Tây		-
Cá nhân	919.900.000	1.060.500.000
Cộng	919.900.000	1.060.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu

a, Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại ngày 01/01/2012	62.826.020.000		29.335.312.000		18.885.848.301		(15.130.000)		(1.573.341)		89.249.865		4.122.602.000		4.231.194.732		119.473.523.557	
- Lãi trong năm trước	-		-		-		-		-		-		-		14.716.328.679		14.716.328.679	
- Tăng khác	-		-		-		-		367.911.183		-		-		-		367.911.183	
- Phân phối lợi nhuận	-		-		1.717.576.645		-		-		-		839.007.536		(4.231.194.732)		(1.674.610.551)	
- Giảm khác	-		-		-		-		(366.337.842)		-		-		-		(366.337.842)	
Tại ngày 31/12/2012	62.826.020.000		29.335.312.000		20.603.424.946		(15.130.000)		-		89.249.865		4.961.609.536		14.716.328.679		132.516.815.026	
- Lãi trong kỳ	-		-		-		-		-		-		-		8.505.649.654		8.505.649.654	
- Tăng khác	-		-		401.413.237		-		-		-		-		-		401.413.237	
- Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-		-		-		735.816.434		(14.716.328.679)		(13.980.512.245)	
Tại ngày 30/06/2013	62.826.020.000		29.335.312.000		21.004.838.183		(15.130.000)		-		89.249.865		5.697.425.970		8.505.649.654		127.443.365.672	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

b, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	2.114.860.000	2.114.860.000
Quỹ đầu tư phát triển Hà Tây	3.352.670.000	3.352.670.000
Lê Văn Lớ	2.321.720.000	2.321.720.000
Ngô Văn Chinh	2.033.780.000	2.033.780.000
Nguyễn Văn Minh	1.133.200.000	1.133.200.000
Hoàng Trọng Nguyên	8.800.000.000	8.800.000.000
Hoàng Văn Tuế	2.288.990.000	2.288.990.000
Lê Việt Linh	5.117.000.000	5.117.000.000
Lê Xuân Thắng	3.719.150.000	3.719.150.000
Nguyễn Như Hoa	5.001.000.000	5.001.000.000
Các cổ đông khác	26.943.650.000	26.943.650.000
Cộng	62.826.020.000	62.826.020.000

c, Cổ phiếu

	30/06/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.282.602	6.282.602
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	6.282.602	6.282.602
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	6.282.602	6.282.602
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.513	1.513
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.513	1.513
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.281.089	6.281.089
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	6.281.089	6.281.089
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	346.184.233.498	355.725.227.354
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	346.184.233.498	355.725.227.354
Các khoản giảm trừ doanh thu	589.616.184	51.790.896
+ Giảm giá hàng bán	589.616.184	51.790.896
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	345.594.617.314	355.673.436.458

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	296.178.643.169	307.414.055.866
Cộng	296.178.643.169	307.414.055.866

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.092.249.221	6.267.742.224
Cộng	2.092.249.221	6.267.742.224

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.084.173.710	12.032.501.333
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.999.620
Chi phí tài chính khác	-	832.685.283
Cộng	5.084.173.710	12.868.186.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.340.866.205	8.771.388.368
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: các khoản không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.340.866.205	8.771.388.368
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.835.216.551	2.192.847.091
Thuế TNDN được giảm	-	-
Cộng	2.835.216.551	2.192.847.091

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	8.505.649.654	6.578.541.277
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.505.649.654	6.578.541.277
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	6.281.089	6.274.478
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.354	1.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
<u>Phải thu</u>		
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	3.357.666.977	4.369.306.650
<u>Phải trả (Các khoản vay)</u>		
Lê Văn Lớ	4.900.300.425	120.478.314
Nguyễn Văn Minh	1.319.230.000	490.000.000
Hoàng Văn Tuế	1.293.048.500	471.100.500
Lê Xuân Thắng	1.098.900.000	2.550.000.000
Nguyễn Bá Lai	324.543.200	324.543.200

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2013 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.



Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

Hoàng Văn Tuế
Kế toán trưởng

Số: 488/BCQT-DHT

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(6 tháng đầu năm 2013)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 A đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.22143368 Fax: 04.33829054 Email: hataphar@fpt.vn
- Vốn điều lệ: 62.826.020.000
- Mã chứng khoán: DHT

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/ năm)::

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Văn Ló	Chủ tịch	6	100 %	
2	Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó Chủ tịch	6	100 %	
3	Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên	6	100 %	
4	Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên	6	100 %	
5	Ông Nguyễn Bá Lai	Thành viên	6	100 %	
6	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	6	100 %	
7	Ông Nguyễn Cảnh Thắng	Thành viên	6	100 %	

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

II. Các nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/ năm):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1		18/01/2013	Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát họp, bàn và xem xét quyết định: - Thông qua dự thảo Quy chế làm việc của Ban Tổng giám đốc Công ty. - Quyết định về việc nâng bậc lương cho cán bộ công nhân viên năm 2012. - Quyết định chi tiền lương, tiền thưởng dịp tết Nguyên đán cho cán bộ công nhân viên.
2		25/01/2013	Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát họp bàn và thống nhất: - Quyết định thông qua Quy chế làm việc của Ban Tổng giám đốc Công ty. - Đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2012.
3		04/3/2013	Hội đồng Quản trị và Trưởng ban Kiểm soát Công ty đã họp, bàn để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động và hiệu quả của Công ty TNHH 2 thành viên tại Thành phố Hồ Chí Minh.
4		02/4/2013	Hội đồng Quản trị và Trưởng ban Kiểm soát Công ty đã họp, bàn và thống nhất các nội dung, chương trình, văn bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013: - Dự kiến tổ chức đại hội ngày 21/4/2013. - Phân công các thành viên trong HĐQT và BKS chuẩn bị các văn bản và tài liệu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Thống nhất Phương án phân phối lợi nhuận 2012 để thông qua Đại hội. - Thành lập các tiểu ban phục vụ đại hội
5		24/4/2013	Hội đồng Quản trị và Trưởng ban Kiểm soát Công ty đã họp, bàn để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động và hiệu quả của Công ty TNHH 2 thành viên tại Thành phố Hồ Chí Minh để giao kế hoạch và hỗ trợ ban đầu.
6		17/6/2013	Hội đồng Quản trị và Trưởng ban Kiểm soát Công ty đã họp, bàn để xem xét, đánh giá những kiến nghị, đề xuất của Công ty TNHH 2 thành viên tại Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/ năm):

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/ ĐKKD Ngày cấp	Ngày cấp CMND/ ĐKKD Nơi cấp	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do

VI. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số CMND/ ĐKKD Ngày cấp	Ngày cấp CMND/ ĐKKD Nơi cấp	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Lê Văn Lớ		Chủ tịch HĐQT	012470890	19/10/2001	CA Hà Nội	Số 10 ngõ 16 đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội	232.172	3,695	
2	Nguyễn Thị Hạnh			010082065	28/12/2006	CA Hà Nội	Số 8/10 Hoàng Ngọc Phách, Hà Nội	20.116	0,320	Vợ
3	Lê Thị Hồng Việt			012566893	02/03/2003	CA Hà Nội	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (Số 10 A Quang Trung, Hà Đông)	90.197	1,435	Con
4	Lê Anh Trung			012225946	27/07/1999	CA Hà Nội	Số 40 BT7 khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, Hà Đông, HN	13.410	0,213	Con
5	Lê Việt Linh			012225947	24/4/1999	CA Hà Nội	101 Đại An, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	511.700	8,144	Con
6	Lê Xuân Thắng		Thành viên HĐQT	011857506	05/10/2007	CA Hà Nội	Khu tập thể Dược, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	371.915	5,919	
7	Vũ Thị Anh Đào			111201298	19/04/2008	CA Hà Nội	Khu tập thể Dược, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	57	0,0009	Vợ
8	Lê Văn Thành			112368934	22/10/2007	CA Hà Nội	Tập thể đại lý Vật chất 79, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	48.642	0,774	Em
9	Nguyễn Cảnh Thắng		Thành viên HĐQT	011928759	02/9/1996	CA Hà Nội	13 ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Hà Nội	0	0	
10	Nguyễn Như Hoa			011796777	08/08/2005	CA Hà Nội	Số 01 tổ 34 Ngọc Hà, Hà Nội	500.100	7,960	Vợ

11	Hoàng Trọng Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	024866279	27/11/2007	Công an TP.HCM	989/6 Lê Đức Thụ P16 quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	880.000	14,006	
12	Nguyễn Bá Lai	Thành viên HĐQT	112117469	16/04/2004	CA Hà Nội	Khu tập thể Dược, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	38.729	0,616	
13	Hoàng Văn Tuế	Thành viên HĐQT	110914270	16/12/1993	CA Hà Nội	Khu tập thể Dược, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	228.899	3,643	
14	Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT	110022543	14/04/2008	CA Hà Nội	Chiến Thắng, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội	113.320	1,803	
15	Ngô Văn Chính	Trưởng BKS	112261334	28/12/2005	CA Hà Nội	Khu tập thể Dược, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	203.378	3,237	
16	Ngô Thị Xuân		112435945	03/07/2007	CA Hà Nội	Ngõ 23, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	1.596	0,025	Em
17	Đặng Đình Dự	Thành viên BKS	168357605	19/04/2008	CA Hà Nội	Khu tập thể Dược, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	16.158	0,257	
18	Bùi Thảo Nguyên	Thành viên BKS	111306939	03/03/1995	CA Hà Nội	Xã Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	9.828	0,156	

2. Giao dịch cổ phiếu: Không

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ Số	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

3. Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính công ty):

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: (Báo cáo 6 tháng/ năm):



DS. Lê Văn Lớ

Hà Đông, ngày 17 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY LIÊN QUAN
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013

Trong 6 tháng đầu năm 2013 Công ty có giao dịch mua bán với Công ty cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây (là Công ty liên quan do một số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty DHT tham gia thành viên HĐQT, BKS Công ty). Việc giao dịch được thực hiện theo Hợp đồng kinh tế số: 03/2012/HĐKT-DHT ngày 02-01-2012, Hợp đồng đã được đại diện hai bên ký kết và Hợp đồng này đã được Hội đồng quản trị Công ty họp ngày 30/01/2012 chấp thuận.

Các giao dịch giữa Công ty (DHT) với Công ty cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây 6 tháng đầu năm 2013 thể hiện cụ thể như sau:

1/ Công ty (DHT) đã bán cho Công ty cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây với doanh số là: 17.562.814.189 Đồng và lãi là 240.113.171 đồng trong đó:

TT	Diễn giải	Doanh số	Giá vốn	Lãi
1	Bán NVL, CC-DC	17.017.864.189	16.781.384.018	236.480.171
2	Bán TSCĐ (máy đóng túi)	544.950.000	541.317.000	3.633.000
	Cộng	17.562.814.189	17.322.701.018	240.113.171

2/ Công ty DHT đã nhập của Công ty cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây là: 9.242.073.854 đồng. Trong đó có nhập các thành phẩm, hàng hóa về bán và nhập lại Nguyên vật liệu, thiết bị kiểm nghiệm do Công ty cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây xuất trả lại cụ thể:

TT	Diễn giải	TP, Hàng hóa	Nhập lại NVL	Nhập Tbi KN	Cộng
1	Nhập	6.981.860.480	1.477.757.126	782.456.248	9.242.073.854
2	Xuất giá bán	6.486.731.761			
3	Xuất giá vốn	5.892.225.637			
4	Tồn kho	1.089.634.843			
5	Lãi	594.506.124			

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Tổng giám đốc

ĐS. Lê Văn Lớ

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
Hà Tây**

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 487/ TV-DHT
(V/v báo cáo tài chính Quý II/ 2013)

Hà Đông, ngày 17 tháng 07 năm 2013

KÍNH GỬI: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên đơn vị: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Mã chứng khoán: DHT

Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0433 501117 - Fax 0433 829054

Người thực hiện Công bố thông tin: Ông Ngô Văn Chinh - Trưởng Ban kiểm soát.

Trong báo cáo kết quả kinh doanh quý II năm 2013 của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Tổng số lãi sau thuế Quý II/ 2013 là: 5.391.279.877 đồng tăng so với tổng số lãi sau thuế Quý II/ 2012 là: 4.291.555.059 đồng chênh lệch tăng 1.099.724.818 đồng tương ứng tăng 20,39% lý do.

Chi phí tài chính (chủ yếu lãi vay) quý II/2013 giảm so với chi phí tài chính quý II/2012 giảm là: 3.682.268.956 đồng

Vậy công ty xin báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Tổng Giám đốc



ĐS. Lê Văn Lớ

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
Hà Tây**

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 486 / CV-DHT
(V/v báo cáo tài chính quýII/ 2013)

Hà Đông, ngày 17 tháng 07 năm 2013

KÍNH GỬI: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- 1.Tên đơn vị: **Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây**
- 2.Mã chứng khoán: **DHT**
- 3.Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội
- 4.Điện thoại: 0433 501117 - Fax 0433 829054
- 5.Người thực hiện Công bố thông tin: Ông Ngô Văn Chinh - Trưởng Ban kiểm soát.
6. Nội dung của thông tin công bố.
Báo cáo tài chính quýII/2013 của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây được lập ngày 15/07/2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính và bảng giải trình lợi nhuận sau thuế quýII/2013
Báo cáo Quản trị sáu tháng đầu năm 2013
7. Đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính trên trang Website: www.hataphar.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người thực hiện công bố thông tin



Ngô Văn Chinh